

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH D**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **346/2022/HS-PT**

Ngày: 06/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH D

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ký

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Kiều Lương

Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lâm Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh

D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh D tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh D, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 220/2022/TLPT-HS ngày 07 tháng 06 năm 2022, đối với các bị cáo Nguyễn Công Q, Lê Văn C do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 85/2022/HSST ngày 28/4/2022, của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh D.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Công Q, sinh năm 1971 tại N; Nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh D; Quốc tịch Việt Nam, tôn giáo: Không, trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Thu mua phế liệu; Con ông Nguyễn Công Đ, sinh năm 1934 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1936; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; Có 02 con: Lớn nhất sinh năm 1995; nhỏ nhất sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt ngày 06/8/2021 đến ngày 15/8/2021 được tại ngoại - Bị cáo có mặt.

2. Lê Văn C, (tên thường gọi:), sinh năm 1990 tại D; Nơi cư trú: Ấp S, xã C, huyện L, tỉnh D; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, Không, trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Lê Văn L, sinh năm 1945 và bà Hồ Thị N, sinh năm 1948; Có vợ là Nguyễn Huỳnh Như Y, sinh năm 2000; Tiền sự: Không;

Tiền án: Tại bản án số 95/2018/HS - ST ngày 28/9/2018, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh D xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” .

Nhân thân: Ngày 16/12/2016, bị Công an huyện N, tỉnh D ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Ngày 29/3/2017 đã chấp hành xong.

Ngày 02/3/2017, bị Công an xã C, huyện L, tỉnh D ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy”, ngày 29/3/2017, C đã chấp hành xong.

Bị bắt từ ngày 14/9/2012 (Bị cáo có đơn rút kháng cáo, Tòa án không triệu tập).

Trong vụ án còn có các bị cáo Trần Văn S, Phạm Văn H, Nguyễn Hữu T, Thái Anh H1, Trần Doãn L, Phạm Văn T1, bị hại nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn S là đối tượng không có nghề nghiệp và Phạm Văn H, Trần Doãn L, Thái Anh H1, Nguyễn Hữu T cùng nhau thuê phòng C117 và C119 tại nhà nghỉ 6789 thuộc ấp 5, xã L, huyện N, tỉnh D. Tại đây, S đã chuẩn bị 01 cây xà beng, 01 đoạn xích sắt, 01 lưới cửa và 01 kìm cộng lực, đồng thời rủ H, H1, T, L hàng đêm đi vào khu dân cư P - L của huyện N để cắt trộm dây điện ngầm của Công ty cổ phần lắp máy điện nước và xây dựng mang đi bán lấy tiền tiêu xài, cả nhóm đồng ý và tiến hành, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 02 giờ ngày 11/7/2021, Trần Văn S rủ Thái Anh H1, Nguyễn Hữu T và Phạm Văn H đem theo 01 cây xà beng, dây xích sắt, lưới cửa sắt vào khu dân cư L - P tìm kiếm các trụ điện có dây cáp điện ngầm bên dưới mặt đất để trộm cắp dây cáp điện. Khi phát hiện 01 trụ điện ở bên lề đường, quan sát trên đường không có người qua lại, không có người bảo vệ canh gác, S, T1, H1 và H đã trộm cắp được 60m dây cáp điện, sau đó, S cắt thành đoạn ngắn đem về cất giấu gần nhà nghỉ 6789 thuộc ấp 5, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Đến khoảng 05 giờ cùng ngày, S gọi điện thoại cho Phạm Ngọc T1 để T1 điều khiển xe ô tô đến nhà nghỉ 6789 gặp S. T1 nhìn số dây điện bị cắt và được cất giấu thì biết là tài sản do S trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý chở S và H1 đưa số dây điện đi đến tiệm thu mua phế liệu của Phạm Công Q để bán. S và H1 có nói cho ông Q biết số dây cáp điện trên là do trộm mà có, đồng thời Q nhìn đặc điểm dây đồng bị cắt ra thành nhiều đoạn nên biết rõ là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua với số tiền 22.185.000đ. Sau khi lấy được tiền, S đưa cho T1 400.000đ, còn 21.785.000đ thì S trả tiền thuê phòng nhà nghỉ và cùng đồng bọn tiêu xài hết.

Tại kết luận định giá số 246/KLGD - HĐĐG ngày 15/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận: 60m dây cáp điện các bị cáo đã trộm cắp được vào ngày 11/7/2021 có giá trị là 21.390.838đ.

Lần thứ 2: Cùng thủ đoạn tương tự như trên, vào 02 giờ ngày 04/8/2021, Trần Văn S, Thái Anh H1, Nguyễn Hữu T, Phạm Văn H rủ thêm Trần Doãn L tiếp tục trộm cắp 100m dây cáp điện của Công ty cổ phần lắp máy điện nước và xây dựng tại khu dân sự L - P. Sau đó, S điện cho Lê Văn C thuê C điều khiển xe ô tô chở số dây cáp điện trộm cắp được đến vừa phế liệu bán cho Phạm Công Q với số tiền 3.500.000đ. C được S trả công 500.000đ, còn lại 3.000.000đ S cất giữ để trả tiền thuê phòng nhà nghỉ, ăn uống.

Tại kết luận định giá số 247/KLGD - HĐĐG ngày 15/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận: 100m dây cáp điện các bị cáo trộm cắp ngày 04/8/2021 có giá trị 19.947.672đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 85/2022/HSST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện N căn cứ vào các Điều 17, 38; khoản 1 khoản 2 điều 173; Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Tuyên bố các bị cáo Trần Văn S, Trần Doãn L, Phạm Văn H, Nguyễn Hữu T, Thái Anh H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Công Q, Lê Văn C và Phạm Ngọc T1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Văn S 04 năm tù; Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Doãn L 03 năm tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Văn H 02 năm tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 01 năm 06 tháng tù, xử phạt Thái Anh H1 01 năm tù; Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Công Q 01 năm tù; Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Văn C 01 năm tù; Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T1 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 09/5/2022, bị cáo Lê Văn C kháng cáo xin giảm án. Ngày 15/8/2022, bị cáo Lê Văn C có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Ngày 10/5/2022, bị cáo Nguyễn Công Q kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa án theo hướng phạt tiền hoặc xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

*** *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh D:*** Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo Nguyễn Công Q đã 02 lần thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, tổng giá trị tài sản là 41.338.510đ. Cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Công Q 01 năm tù; Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Văn C 01 năm tù đều về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ pháp luật. Bị cáo cung cấp đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử khi được tại ngoại bị cáo đều chấp hành tổ các quy định của pháp luật, không bỏ trốn và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết xử hình phạt tù đối với bị cáo là không cần thiết mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ nghiêm để răn đe và phòng ngừa tạo điều kiện cho bị cáo nhận thức được lỗi lầm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Công Q: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng và tài sản thuộc sở hữu người khác, tạo điều kiện phát sinh các loại tội phạm khác, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Cấp sơ thẩm xác định bị cáo Q đã 02 lần thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, tổng giá trị tiêu thụ là 41.338.510đ; bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, sau khi phạm tội bị cáo đầu thú. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58 điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Công Q 01 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Nguyễn Công Q nhận thức pháp luật hạn chế, số tiền hưởng lợi không đáng kể, tài sản tiêu thụ đã thu hồi trả lại cho bị hại. Bị cáo Q phạm tội ít nghiêm trọng, xâm phạm đến an toàn công cộng, trong thời gian tại ngoại bị cáo không vi phạm pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Công Q cung cấp giấy xác

nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, vợ thường xuyên bị bệnh, mẹ già yếu, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của địa phương là tình tiết mới. Do vậy, xử bị cáo Nguyễn Công Q hình phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Do vậy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án 85/2022/HSST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện N.

[3] Đối với bị cáo Lê Văn C đã có đơn xin rút kháng cáo nên hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo C.

[4] Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh D phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Q, bị cáo C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Công Q, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 85/2022/HSST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện N.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt **Nguyễn Công Q** số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Áp dụng điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Văn C. Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực đối với bị cáo Lê Văn C.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Công Q, bị cáo Lê Văn C không phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân huyện N;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện N;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh D;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện N;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện N
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện N;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ký

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN
THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Hưng Vũ Thế Phương

Đinh Thị Kiều Lương

